TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-PT
Ngày: 14 - 01 - 2025
"V/v *Kiện đòi di sản thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình

Bà Nguyễn Thị Nhung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 398/2024/TLPT-DS ngày 27/11/2024. về việc: *"Kiện đòi di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 444/2024/QĐXX-PT ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T. Sinh năm 1954. Địa chỉ: A đường A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng C. Địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Đình D. Địa chỉ: D Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh K. Địa chỉ: G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Hồng T1. Địa chỉ: Số nhà F N, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng C. Địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.2. Ông Trần Đình P. Địa chỉ: 9 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hoàng A. Địa chỉ: G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Phạm Ngọc T2. Địa chỉ: Tổ dân phố D, khu phố A, phường G, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Con rể của của tôi là ông Trần Đình H, sinh năm: 1965, chết năm: 2023 theo giấy trích lục khai tử số: 35/2023 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông H làm việc trong cơ quan nhà nước từ năm 1983 nên ông H tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 9/1983 đến tháng 4/2023 thì ông H chết. Do sức khoẻ của tôi yếu và ở xa, đồng thời còn phải lo cho gia đình sau đám tang của ông H vì thế tôi không thể thực hiện thủ tục để nhận chế độ tử tuất đối với thân nhân của ông H theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2023, gia đình tôi đã tiến hành họp gia đình về việc làm thủ tục để nhận chế độ tử tuất một lần cho tôi tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk nơi ông H tham gia bảo hiểm xã hội. Sau khi họp gia đình tôi đã lập biên bản về việc thống nhất cho ông Trần Đình D con trai ông H là người đại diện thực hiện các thủ tục nêu trên, do ông D là người mai táng cho ông H nên tôi có đồng ý cho ông D được nhận khoản trợ cấp mai táng theo chế độ tử tuất theo quy định.

Ngày 14/6/2023, ông D hoàn thành tất cả thủ tục nhận chế độ tử tuất một lần của ông H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk và được nhận với tổng số tiền là 396.038.018 đồng, gồm các khoản như sau: Mức hưởng đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014 là: 211.687.182 đồng. Mức hưởng đối với thời gian đóng Bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi là: 164.645.586 đồng. Trợ cấp mai táng: 14.900.000 đồng. Trợ cấp khu vực một lần: 4.805.250 đồng.

Sau khi nhận được khoản tiền trên ông D sẽ nhận được số tiền trợ cấp mai táng theo quy định và theo như biên bản họp gia đình đã lập. Như vậy, ông D sẽ được nhận số tiền trợ cấp mai táng là 14.900.000 đồng, số tiền còn lại là 381.438.018 đồng sẽ giao cho tôi quản lý và sử dụng.

Nay, để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của tôi, tôi đề nghị quý Tòa buộc ông Trần Đình D có nghĩa vụ trả cho tôi là Phạm Thị T số tiền là 381.438.018 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Thanh K trình bày: Ông Trần Đình D là con của ông Trần Đình H, sinh năm: 1965; chết năm: 2023 theo giấy trích lục khai tử số: 35/2023 ngày 08/05/2023 của UBND phường E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Trước khi chết, ông H có thời gian làm việc trong cơ quan nhà nước từ năm 1983 và có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 9/1983 đến tháng 4/2023. Sau khi ông H qua đời, theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội thì ông H được cơ quan bảo hiểm chi trả tiền chế độ tử tuất một lần. Do ông Trần Đình D là người tổ chức tang lễ và lo liệu mọi chi phí cho việc hậu sự của ông H. Nên ông D và mọi người trong gia đình thống nhất để cho ông D được hưởng các khoản trợ cấp chế độ tử tuất của ông H theo quy định. Nay bà Phạm Thị T khởi kiện ông Trần Đình D để đòi lại số tiền chế độ bảo hiểm của ông H là không đúng. Ông D không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng T3 trình bày: Ông Trần Đình H, sinh năm: 1965, chết năm: 2023 theo giấy trích lục khai tử số: 35/2023 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là chồng của bà T3. Ông H làm việc trong cơ quan nhà nước từ năm 1983 nên ông H tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 9/1983 đến tháng 4/2023 thì ông H chết. Do sức khoẻ bà T yếu và ở xa, đồng thời còn phải lo cho gia đình sau đám tang của ông H vì thế bà T không thể thực hiện thủ tục để nhận chế độ tử tuất đối với thân nhân của ông H theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản họp gia đình thì gia đình tôi thống nhất cho ông Trần Đình D là con trai ông H là người đại diện thực hiện các thủ tục nêu trên, do ông D là người mai táng cho ông H nên bà T đồng ý cho ông D được nhận khoản trợ cấp mai táng theo chế độ tử tuất theo quy định. Tuy nhiên, ông D đã không thực hiện và giữ toàn bộ số tiền trên để sử dụng vào mục đích cá nhân của ông D, không giao lại cho bà T mặc dù bà T đã nhiều lần liên hệ ông D để yêu cầu giải quyết nhưng ông D cố tình lãng tránh, không chịu hợp tác.

Bà T3 đồng ý và thống nhất với đơn khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án buộc ông D phải có nghĩa vụ phải trả cho bà T tổng số tiền chế độ tử tuất là 381.438.018 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đình P trình bày: Ông Trần Đình P là con của ông Trần Đình H, sinh năm: 1965; chết năm: 2023 theo giấy trích lục khai tử số: 35/2023 ngày 08/05/2023 của UBND phường E, Tp ., tỉnh Đăk Lăk. Trước khi chết, ông H có thời gian làm việc trong cơ quan nhà nước từ năm 1983 và có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 9/1983 đến tháng 4/2023. Sau khi ông

H qua đời, theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội thì ông H được cơ quan bảo hiểm chi trả tiền chế độ tử tuất một lần. Do ông Trần Đình D (là anh trai của ông P) là người tổ chức tang lễ và lo liệu mọi chi phí cho việc hậu sự của ông H. Nên ông P và mọi người trong gia đình thống nhất cho để ông D được hưởng các khoản trợ cấp chế độ tử tuất của ông H theo quy định. Nay bà Phạm Thị T khởi kiện ông Trần Đình D để đòi số tiền chế độ bảo hiểm của ông H là không đúng. Ông P đồng ý với ý kiến của bị đơn. Với tư cách là người được ông Trần Đình P uỷ quyền. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 10/01/2024 ông Phạm Ngọc T2 trình bày: Ông Trần Đình H, sinh năm: 1965, chết năm: 2023 theo giấy trích lục khai tử số: 35/2023 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông H làm việc trong cơ quan nhà nước từ năm 1983 nên ông H tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 9/1983 đến tháng 4/2023 thì ông H chết. Bà Phạm Thị T là người được hưởng chế độ tử tuất theo quy định của Luật bảo hiểm. Gia đình bà T có làm thủ tục để nhận tiền chế độ tử tuất và cử ông Trần Đình D (con trai ông H) là người đại diện thực hiện các thủ tục nêu trên. Khi ông D làm các thủ tục để nhận tiền tử tuất một lần tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk thì ông D có đưa tôi ký một số giấy tờ theo quy định. Nay bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc ông Trần Đình D có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền chế độ tử tuất 381.438.018 đồng. Tôi không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà Phạm Thị T. Tuy nhiên, tôi và bà T không có mối quan hệ vợ chồng (đã ly hôn) nên không liên quan đến vụ án dân sự: *"Kiện đòi tài sản"* giữa nguyên đơn là bà Phạm Thị T, bị đơn là ông Trần Đình D. Do đó, tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không đưa tôi tham gia vụ án trên với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 187/2024/DS-ST, ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 217; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc ông Trần Đình D có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền tử tuất 01 lần 381.438.018 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2024, bị đơn ông Trần Đình D kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 187/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, về yêu cầu buộc ông Trần Đình D có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền tử tuất một lần với tổng số tiền 381.438.018 đồng.

Tại phiên Tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Trần Đình D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích, đánh giá lập luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 304 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tạm ngừng phiên tòa để các đương sự làm rõ số tiền mai táng lo hậu sự cho người chết ông Trần Đình H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ. Do đó vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dụng:

Ông Trần Đình H và bà Trần Thị Hồng T3 là vợ chồng và kết hôn vào ngày 06/01/2020 có mẹ vợ là bà Phạm Thị T, sinh năm 1954. Ông Trần Đình H, sinh năm: 1965, chết năm: 2023 theo giấy trích lục khai tử số: 206/2023 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (BL số 68). Ông H làm việc trong cơ quan nhà nước từ năm 1983 nên ông H tham gia bảo hiểm xã

hội bắt buộc từ tháng 9/1983 đến tháng 4/2023 thì ông H chết. Ngày 01/6/2023, gia đình tiến hành họp và lập biên bản họp gia đình về việc thống nhất để ông Trần Đình D con trai đầu ông H là người đại diện thực hiện nhận các khoản trợ cấp theo quy định (BL 10). Ngày 14/6/2023, ông D hoàn thành tất cả thủ tục nhận chế độ tử tuất một lần của ông H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk và được nhận với tổng số tiền là 396.038.018 đồng, gồm các khoản như sau: Mức hưởng đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014 là: 211.687.182 đồng; Mức hưởng đối với thời gian đóng Bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi là: 164.645.586 đồng; Trợ cấp mai táng: 14.900.000 đồng; Trợ cấp khu vực một lần: 4.805.250 đồng. Do đó, bà T đề nghị Tòa án buộc ông Trần Đình D có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 381.438.018 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình D về yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, buộc ông phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền tử tuất một lần với tổng số tiền 381.438.018 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy.

[3.1] Căn cứ vào quá trình đóng bảo hiểm xã hội của ông Trần Đình H do Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ cung cấp (BL 73) thì ông H đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9 năm 1983 liên tục cho đến tháng 4 năm 2023, tổng thời gian đóng là 28 năm 01 tháng (BL 74). Ông H kết hôn với bà Trần Thị Hồng T3 vào ngày 06/01/2020 đến ngày 07/5/2024 thì ông H chết (BL 13), do đó số tiền trợ cấp tuất một lần mà thân nhân ông H được nhận có trước khi kết hôn với bà T3.

Mặt khác căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 01/6/2023 (BL10) gồm có ông Trần Đình D, ông Trần Đình P, bà Phạm Thị Hồng T1 (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H) ngoài ra có bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc T2 đều thống nhất với nội dung: *"Để ông Trần Đình D là con trai đầu ông Trần Đình H đứng ra tổ chức tang lễ và lo liệu mọi chi phí mai táng, đứng ra nhận các khoản trợ cấp chế độ tử tuất theo quy định"*, việc thỏa thuận được lập thành văn bản, có chữ ký điểm chỉ của các thành viên tham gia, các thành viên cũng cam đoan việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật và không có khiếu nại, khiếu kiện gì. Tại thời điểm lập biên bản họp gia đình ngày 01/6/2023 (BL 10) các bên ký vào biên bản đều có đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, việc các thành viên cùng thống nhất nội dụng để ông Trần Đình D thay mặt gia đình nhận các chế độ tử tuất theo quy định là không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký xác lập, nên biên bản họp gia đình ngày 01/6/2024 (BL 10) có hiệu lực và được pháp luật bảo vệ. Do đó, việc ông Trần Đình D nhận tiền trợ cấp chế độ của ông Trần Đình H với số tiền là 396.038.018 đồng là theo đúng thỏa thuận. Nhận thấy,

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T buộc ông Trần Đình D có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền tử tuất 01 lần 381.438.018 đồng, là không có căn cứ. Bởi trái với nội dung đã thỏa thuận, ông H chết không để lại di chúc số tiền 396.038.018 đồng. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì nguyên đơn bà Phạm Thị T không nằm trong hàng thừa kế, để nhận di sản thừa kế.

Từ những nhận đinh trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình D. Do vậy, cần phải sửa bản án dân sự sơ thẩm số 187/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho bà Phạm Thị Hồng T1, nếu bà có yêu cầu hưởng di sản thừa kế của ông Trần Đình H.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Phạm Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trần Đình D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Đình D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, số 0013517 ngày 13/9/2024 do bà Phạm Thị Hoàng A nộp thay ông Trần Đình D tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình D - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc buộc bị đơn ông Trần Đình D có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền tử tuất 01 lần 381.438.018 đồng.

Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho bà Phạm Thị Hồng T1, nếu bà có yêu cầu hưởng di sản thừa kế của ông Trần Đình H.

[2]. *Về án phí*: Áp dụng điểm c Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đình D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Đình D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, số 0013517 ngày 13/9/2024 do bà Phạm Thị Hoàng A nộp thay ông Trần Đình D tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA TP.Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng